

Số: 82/2012/TT-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2012

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hoá nhập khẩu
có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia**

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Pháp lệnh Ký kết và thực hiện thoả thuận quốc tế số 33/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/08/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 404/VPCP-QHQT ngày 19/1/2012 ; Bản thoả thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương ký ngày 17/2/2012 giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campuchia;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ Campuchia.

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục hàng hoá có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia nhập khẩu vào Việt Nam được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% (Phụ lục I).

Điều 2. Điều kiện áp dụng áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0%

Hàng hoá nhập khẩu có tên trong Danh mục hàng hoá qui định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu S (C/O form S) do cơ quan thẩm quyền của Vương quốc Campuchia cấp;

2. Thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu trong Bản Thoả thuận giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campuchia (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 3. Quy định khác

1. Hàng hoá áp dụng hạn ngạch nêu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, để được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% (không phần trăm) phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 Thông tư này và Điều 2 Thông tư số 05/2012/TT-BCT ngày 20/3/2012 của Bộ Công Thương quy định việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2012 và 2013 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hoá có xuất xứ từ Campuchia. Trường hợp nhập khẩu vượt quá số lượng hạn ngạch quy định sẽ áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu như sau:

1.1. Đối với mặt hàng gạo các loại: áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ATIGA hoặc mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (MFN) hoặc mức thuế suất thuế nhập khẩu thông thường theo qui định hiện hành.

1.2. Đối với mặt hàng lá thuốc lá khô:

a) Trường hợp lượng lá thuốc lá khô nhập khẩu vượt số lượng hạn ngạch nhập khẩu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này nhưng vẫn trong tổng mức hạn ngạch chung và đảm bảo các điều kiện quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam về hạn ngạch thuế quan thì phần vượt áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (MFN) qui định tại Biểu thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành.

b) Trường hợp lượng lá thuốc lá khô vượt số lượng hạn ngạch nhập khẩu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này và nằm ngoài tổng mức hạn ngạch chung thì áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch đối với lá thuốc lá khô theo qui định tại Thông tư số 188/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan và các văn bản có liên quan về thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan của Bộ Tài chính.

1.3. Đối với mặt hàng gạo các loại và lá thuốc lá khô chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về Việt Nam thực hiện theo quy định hiện hành về chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước.

2. Hàng hoá nông sản chưa chế biến (trừ mặt hàng gạo các loại và lá thuốc lá khô) do các doanh nghiệp Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại các tỉnh của Campuchia giáp biên giới Việt Nam nhập khẩu để làm nguyên liệu sản xuất hàng hoá tại Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 61/2006/TT-BTC ngày 29/6/2006 và Thông tư số 16/2011/T-BTC ngày 09/2/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 61/2006/TT-BTC quy định về chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước, nếu đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 2 Thông tư này thì được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% (không phần trăm).

3. Đối với mặt hàng gạo các loại và lá thuốc lá khô có xuất xứ từ Campuchia do các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu về Việt Nam để tái xuất đi các thị trường khác thực hiện theo cơ chế tạm nhập tái xuất của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Hiệp định khu vực, quốc tế mà hai bên tham gia ký kết và không tính vào số lượng hạn ngạch nêu tại Phụ lục III. Nhập khẩu thóc, gạo các loại và lá thuốc lá khô để sản xuất, gia công xuất khẩu cũng không tính vào số lượng hạn ngạch nêu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 17/02/2012 đến hết ngày 31/12/2013, cùng thời điểm có hiệu lực thi hành của Bản thoả thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campuchia.

2. Đối với các tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu phát sinh từ ngày 17/2/2012 đáp ứng đủ điều kiện để áp dụng mức thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Thông tư này nhưng đã nộp thuế với mức thuế suất cao hơn được hoàn trả số tiền thuế chênh lệch theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 68/2011/TT-BTC ngày 18/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hoá có xuất xứ từ Campuchia. / *Handwritten mark*

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- VP Ban CD TW về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (P_{XNK}).

